TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H **TỈNH K. T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày: 14/3/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H - TỈNH K. T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Quách Văn N

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Thu L

2/ Ông Vũ Minh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh K. T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh X - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K.T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: **A L**; sinh ngày 16/9/2002 tại: tỉnh K. T; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ. K. Đ, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sơ Rá; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông A L; sinh năm: 1975 và bà Y Ph; sinh năm: 1979; cùng địa chỉ: Thôn Đ. K. Đ, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: 01 (Ngày 12/11/2021 bị TAND huyện Đ. H xét xử 28 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/7/2023 A L chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống), tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2023 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: **U Q**; sinh ngày 01/3/2004 tại: tỉnh K. T; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K. P, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tơ ĐRá; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông U N; sinh năm: 1979 và bà Y H; sinh năm: 1983; cùng địa chỉ: Thôn K. P, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2023 đến ngày 25/12/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ thành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: **A X**; sinh ngày 24/6/2005 tại: tỉnh K. T; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K. Rng, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tơ ĐRá; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông A Kh; sinh năm: 1968 và bà Y X; sinh năm: 1965; cùng địa chỉ: Thôn K. Rng, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2023 đến ngày 25/12/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ thành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Luân Thị B; sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn Đ. X, xã Đ. Ng, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Võ Thị Yến Ph; sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn K. Hn Y, xã Đ. Hr, huyện Đ. Hà tỉnh K. T. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Dương Vi Công Th; sinh năm: 2006; Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị H; sinh năm: 1980 (Mẹ đẻ); cùng địa chỉ: Thôn W. Hr, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 23/11/2023, bị cáo A L ở nhà cùng với U Q. Trong lúc nói chuyện với U Q, A L nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản để trộm cắp nên đã rủ U Q, nói "*Chắc đi thiết kế quá*", U Q hiểu là A L rủ đi trộm cắp tài sản thì đồng ý. A L nói tiếp "*Đưa mượn điện thoại cái*", U Q hiểu A L mượn điện thoại để gọi tìm mượn xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì đồng ý đưa điện thoại cho A L. A L gọi điện thoại cho A X nói "*Có xe không, mượn xe đi công việc*" A X đồng ý, nói "*Để đi kiếm xe, đợi xíu*". Sau đó, A X điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 17M5-2967 đến nhà A L. A L nói U Q "*Chở đi công việc tý*", U Q hiểu A L nói U Q điều khiển xe mô tô trên chở A Lương đi trộm cắp tài sản thì đồng ý. U Quý điều khiển xe mô tô đi theo hướng từ nhà A L đến xã Đ. Ng. Khi đi đến khu vực nghĩa trang xã Đ. U, A L nói U Q dừng xe, nói U Q đi về trước còn mình thì đi "*thiết kế*". U Q hiểu là A L đi trộm cắp tài sản nên không nói gì mà quay xe đi về. Quá trình tìm kiếm, A L phát hiện nhà bà Luân Thị B không có ai trông coi, nên đã đột nhập vào nhà bằng cửa sau (*cửa sau không khóa*). A L lục tìm được 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A03S, ram 3G, bộ nhớ 32G, màu đen để trên giường phòng bếp và số tiền 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín trăm ngàn đồng*), gồm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) để trong túi áo khoác màu đỏ treo ở trên tường nhà kho; 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) để trong cuốn sổ màu đen trên tủ bếp và 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm ngàn đồng*) để trong túi áo khoác ca rô màu đỏ đen treo trong tủ quần áo phòng ngủ. Sau khi trộm cắp được tài sản, A L đi bộ về và trên đường đi nhắn tin cho U Q qua ứng dụng Messenger để nói U Q chở về. Lúc này, U Q đang ngủ ở nhà với Dương Vi Công Th, Thức thấy điện thoại U Q có tin nhắn nên mở ra xem, biết là A L nhắn

nên không gọi U Q mà tự điều khiển xe mô tô biển số 17M5-2967 đến chở A L về. Về đến nhà, A L đưa điện thoại đã trộm cắp cho U Q, A X, Thức xem và nói "*mới thiết kế được*". U Q, A X, Thức hiểu là điện thoại trên do A L trộm cắp được mà có. A L đưa chiếc điện thoại cho U Q và nói U Q cùng A X mang điện thoại trên đi cắm (*cầm cố*) với giá 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). U Q và A X biết rõ chiếc điện thoại trên do A L trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý mang đi cầm cố. U Q điều khiển xe mô tô biển số 17M5-2967 chở A Xăk đi đến cửa hàng điện thoại Th. L thuộc xã Đ. Hr, huyện Đ. H cầm cố được số tiền 1.500.000 đồng (*U Q đứng ngoài chờ và đưa điện thoại cho A X để A X vào cầm cố*). A X nhận đủ số tiền rồi đi ra xe đưa số tiền trên cho U Q, sau đó U Q điều khiển xe chở A X đi về. Khi về nhà A L, U Q đưa toàn bộ số tiền cầm cố điện thoại cho A L, A L chia tiền cho A X, U Q mỗi người 400.000 đồng (*Bốn trăm ngàn đồng*), còn A L giữ lại số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*). Số tiền 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín trăm ngàn đồng*), A L có nói cho U Q biết nhưng không chia cho U Q. Số tiền trộm cắp được và số tiền cầm cố điện thoại, A L, U Q, A X đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/11/2023, bà Luân Thị B trình báo sự việc trên đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H.

Tại bản kết luận giám định số 45/KL-HĐĐG ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ. H, tỉnh K. T, kết luận: "*01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A03s, màn hình cảm ứng, màu đen, Ram 3GB, dung lượng 32GB, mua mới năm 2021, thời điểm định giá là tháng 11/2023, tài sản thành tiền là: 2.253.333 đồng. Bằng chữ: Hai triệu hai trăm năm mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*."

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSĐH ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T truy tố bị cáo A L, U Q về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo A X về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H giữ nguyên quan điểm như cáo trạng, truy tố bị cáo A L, U Q về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo A X về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A L từ 10 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo U Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A X từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về dân sự: Bà Luân Thị B đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Đối với Võ Thị Yến Ph: Cũng không yêu cầu gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về phần án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình, không có ý kiến gì tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 23/11/2023, A L rủ U Q đi Trộm cắp tài sản, A L bảo U Q chở đến địa điểm đã định rồi bảo U Q đi về, để 1 mình A L đi tìm kiếm và trộm cắp tài sản. Tại nhà bà Luân Thị B A L đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản là số tiền mặt 3.900.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động có giá trị là 2.253.333 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.159.333 đồng. Sau đó A L đã đưa điện thoại trộm cắp được, bảo U Q, A X đến cầm cố tại cửa hàng điện thoại Th. L thuộc xã Đ. Hr, huyện Đ. H với số tiền là 1.500.000 đồng.

Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo A L, U Q đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo A X đã phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến khách thể quan trọng được pháp luật công nhận và bảo vệ đó là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm về trật tự trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của bản thân là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lợi ích của người khác nhưng vì động cơ muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động nên đã cố tình thực hiện.

[4] *Về nhân thân:*

Đối với bị cáo A L: có 01 tiền án: ngày 12/11/2021 bị TAND huyện Đ. H xét xử 28 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/7/2023 A L chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống. Nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

Đối với bị cáo U Q và A X: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, xác định là người có nhân thân tốt.

[5] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo U Q và A X không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo A L phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với các bị cáo U Q và A X, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả tại cơ quan thi hành án dân sự mỗi bị cáo số tiền 400.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần cho bị cáo được hưởng.

Ngoài ra, tại đơn xin xét xử vắng mặt, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, nên cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] *Xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:*

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, ít nghiêm trọng. Trong đó, A L với vai trò là khởi xướng, rủ rên. U Q tuy không phải là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng khi được A L rủ rê đã tích cực chở A L đi tìm tài sản trộm cắp, vì vậy phải chịu trách nhiệm chung với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.159.333 đồng cùng A L. Động cơ của các bị cáo vụ lợi cá nhân, mục đích trộm cắp tài sản để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo A X tuy không hứa hẹn trước nhưng biết đó là tài sản do A L trộm cắp mà có mà vẫn đồng ý đi cầm cố.

Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, tương ứng với mức độ của hành vi phạm tội.

Từ những phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên, xét thấy cần phải cách ly bị cáo A L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo U Q, A X có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, răn đe các bị cáo và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập vì vậy không buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung.

[9] *Về vật chứng:*

- 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galãy A03s, ram 3G, bộ nhớ 32G, màu đen, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bà Luân Thị B.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 17M5-2967, tình trạng đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của ông A Kh (sinh năm: 1968; trú tại: thôn K. Rng, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T).

Xét thấy việc trả lại vật chứng cho bị hại không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Ngày 05/12/2023 và ngày 15/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H đã ra Quyết định xử lý vật chứng đối với những tài sản trên bằng hình trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Luân Thị B và ông A Kh tiếp tục quản lý, sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh đen, nhãn hiệu REDME C35 dung lượng 64gb của U Quý cho A L mượn để liên lạc tìm phương tiện phạm tội, bị cáo U Q đã làm rơi vỡ và vất bỏ, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy, vì vậy HĐXX không đề cập xem xét.

+ Số tiền 800.000 đồng *(Tám trăm ngàn đồng)* là số tiền các bị cáo A X và U Q nộp khắc phục hậu quả, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Yến Ph không yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền, không nhận lại số tiền này mà bị cáo đã giao nộp và đề nghị sung quỹ nhà nước số tiền này nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:* Bà Luân Thị B đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền, đối với số tiền 3.900.000 đồng, bà Luân Thị B không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này và đồng ý cho các bị cáo. Đối với Võ Thị Yến Ph: Cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo bị kết án phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo A X, U Q thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên

miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[12] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo A L, U Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản";* bị cáo A X phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A L 15 (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo U Q 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án (14/3/2024).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A X 07 (*Bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*Mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án (14/3/2024).

Giao các bị cáo U Q, A X cho Ủy ban nhân dân xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo U Q, A X.

Trường hợp bị cáo U Q, A X thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền: 800.000 đồng *(Tám trăm ngàn đồng)*. Theo các Biên lai thu tiền số 0001019 và 0001020 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo U Q, A X. Buộc bị cáo A L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TANDCC tại Đ. N;
- VKSND cấp cao tại Đ.N;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn N